

# Hồi Ký Bà Nhu

TRẦN ANH TUẤN

*Viên Sỏi Trắng* là tác phẩm của dòng họ Ngô-Đình được Trung Tâm Nghiên Cứu Việt-Mỹ thuộc Viện Đại Học Oregon xuất bản giữa năm 2023.

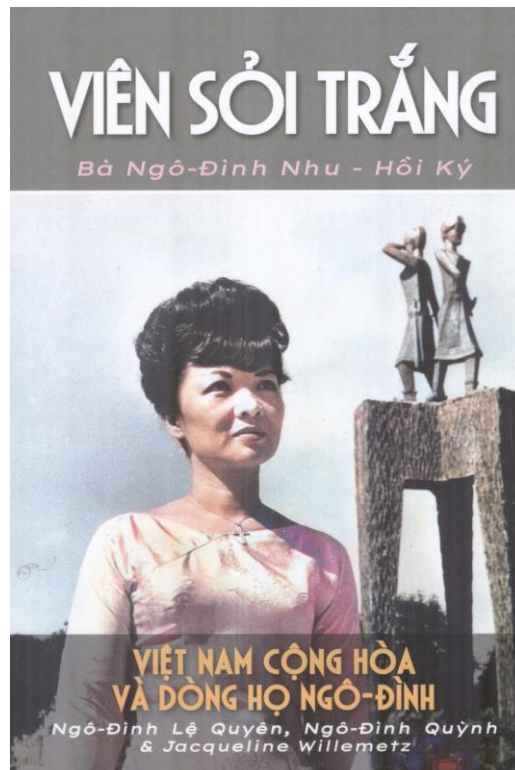
Phần đầu (tr. 9-131) là hồi ký của bà Ngô-Đình Nhu hoàn tất ngày 22.8.2010 khi đã 86 tuổi, chỉ non một năm trước khi Bà từ trần. Phần sau (tr. 175-254) là bài viết của hai người con, gồm Ngô-Đình Lệ Quyên và Ngô-Đình Quỳnh.

Sách mở đầu là Lời Tựa của giáo sư Vũ Tường và lời Giới Thiệu của Jacqueline Willemets, một người bạn Pháp của gia đình Ngô-Đình. Nguyên bản tiếng Pháp (nxb L' Harmattan, 2013) do Phan Lương Quang dịch sang Việt Ngữ.

Giáo sư Vũ Tường nguyên là Trưởng Ban Chính Trị Học, hiện là Giám Đốc Trung Tâm Nghiên Cứu Việt Mỹ, Viện Đại Học Oregon. Ông được con rể bà Nhu, Olindo Borsoi tức phu quân của Ngô-Đình Lệ Quyên, trao lại bốn thùng tài liệu gồm các văn bản, hình ảnh, tài liệu, và hiện vật của bà Nhu và con gái Ngô Đình Lệ Thủy. Đây là những tài liệu lịch sử đầu tay mà người nghiên cứu may mắn có được để viết Sử.

Đúng như nhận xét trong Lời Tựa, sách là sản phẩm tinh thần của dòng họ Ngô Đình từng đóng vai trò lãnh đạo trong chính trường Việt Nam thời hiện đại. Thế hệ thứ nhất là Ngô-Đình Khả, đường quan triều Nguyễn trong tiền bán thế kỷ XX. Thế hệ thứ hai là Ngô-Đình Diệm, tổng thống Việt Nam Cộng Hòa trong hậu bán thế kỷ.

Hồi Ký của Bà Ngô-Đình Nhu trong Phần Một gồm năm chương.



Chương 1 là những lời ca tụng Thiên Chúa và xác định loài chim bồ câu trắng là “*Việt diều*” nơi trang 27.

Chương 2 rất dài, là nội dung chính của Hồi Ký về thời gian Tổng Thống Ngô-Đình Diệm lãnh đạo chính quyền Việt Nam Cộng Hòa từ tháng 7/1954 đến tháng 11/1963. Thêm một chi tiết nhỏ, là thời cụ Diệm, chữ Cộng không có dấu mũ thành Cọng. Hãy xem những con tem bưu chính phát hành dưới thời Đệ Nhất Cộng Hòa sẽ thấy quốc hiệu là Việt Nam Cọng Hòa do chỉ thị từ Phủ Tổng Thống.



*TAT collection*

Trước hết Hồi Ký ca tụng Huế, nơi sinh trưởng của dòng họ Ngô-Đình.

Là biển ở Huế rất lý tưởng so với biển miền Bắc và miền Nam. Là chỉ Huế mới sản xuất ra loại hạt tiêu *độc nhất vô nhị* khiến tôi nhớ lại kỷ niệm về cuộc du khảo từ Sài Gòn ra Huế năm 1964. Được mời cơm trong thành nội tại nhà một tôn thất, chủ nhà bảo tôi ăn thử ớt vì *ớt Huế ngon hơn ớt Sài Gòn nhiều!*

Chi tiết nhỏ có lẽ lý thú nhất trong chương này là tác giả kể lại em dâu tức vợ Ngô-Đình Luyện vì xuất thân miền Nam nên thỉnh thoảng đặt cơm tây ở khách sạn khiến cả gia đình Ngô-Đình bực mình, đánh giá bà vợ này thuộc loại *tay sai thực dân* như lời đồn về người miền Nam nơi trang 35.

Bà Nhu chê chồng bà Cả Âm là *một anh chàng hiếu động, cứ tưởng mình có mọi quyền lực trong nhà* nơi trang 39. Và trách người con của anh chàng hiếu động ấy tức Hồng Y Nguyễn Văn Thuận đã không dám đề cập đến quan hệ thân thuộc với dòng họ Ngô-Đình trong sách vì Hồng Y viết hay trong những buổi diễn thuyết. Bà cũng khoe là chính bà đã can thiệp cho cháu Bà (tức Hồng Y Nguyễn Văn Thuận) được chính quyền Hà Nội trả tự do nơi trang 36.

Chuyện bất hòa trong đại gia đình Ngô-Đình còn là những cái xấu của bà chị dâu (tức Ngô-Đình Thị Hiệp) trong các trang 49-53, và cảnh tranh giành cái mền tránh rét giữa bà Nhu và chú em chồng nơi trang 53-54.

Chương này cũng có thêm chi tiết đặc biệt -không biết được bao nhiêu phần sự thật- là thân phụ bà Nhu tức luật sư Trần Văn Chương là người thảo ra lá cờ Việt Nam gồm một huy hiệu giữa hai vạch đỏ trên nền vàng mà bà đã góp ý là sửa thành ba vạch đỏ trên nền vàng nơi trang 42-43. Nói rõ hơn, bà Nhu tự nhận chính bà là người định ra lá cờ vàng ba sọc đỏ!

Nơi trang 86, bà Nhu đã viết một chi tiết kỳ cục và vô lý là Tổng Thống Lyndon B. Johnson còn có *luơng tri và tinh táo* nên cấm Không Lực Hoa Kỳ không được ném bom Hà Nội nhờ đó Hồ Hoàn Kiếm đã không bị phá hủy.

Theo tôi, trí nhớ của một bà lão 86 tuổi đã mơ màng nên “râu ông nọ cắm cằm bà kia.” Tài liệu trong chiến tranh Việt Nam chỉ đề cập đến chuyện Hoa Kỳ toan tính dội bom phá đê sông Hồng mà thôi.

Tiếp theo, bà Nhu kể chuyện chạy loạn từ Huế ra vùng Cộng Sản miền Trung (danh từ đương thời gọi là Vùng Kháng Chiến) rồi đi xe của quân đội Pháp ra Huế và đáp máy bay quân sự của Pháp vào Sài Gòn. Cuối cùng là cả hai vợ chồng lên cao nguyên sống nhờ nơi biệt thự của bác sĩ Trần Văn Đôn (thân phụ của trung tướng Trần Văn Đôn) tại Đà Lạt những năm 1947-1952. Phần này có những chi tiết hàm hồ và bất thường cho thấy người viết đã che dấu nhiều điều.

Trong thời gian ở Đà Lạt, hồi ký cũng ghi nhận bà Nhu thường có mặt tay ba trong những bữa ăn tối và đánh bài Bridge hay những buổi đi chơi trong rừng với Bảo Đại và tướng Nguyễn Văn Xuân mà ông Nhu không hề biết nêu bà không kể. Bà ghi rõ với vẻ hãnh diện nơi trang 60: “*Những cuộc vui chơi này kéo dài trong suốt thời gian tôi ở Đà Lạt...*”

Chuyện định cư đồng bào miền Bắc vào Nam trong hồi ký là sự phản bội của trí nhớ đối với người viết.

Bà Nhu viết nguyên văn nơi trang 65 trong Hồi Ký là: “*Không một ai dự trù về một làn sóng người lớn lao như vậy và cũng chẳng có sự chuẩn bị nào để đón nhận họ. Nhiều gia đình đã phải ở trong các ống cống lớn bằng xi-măng. Tôi đã thấy tận mắt khi tôi tới thăm họ.*”

Thật ra, định cư càng nhiều người từ Bắc vào Nam càng tốt là chính sách quốc gia của Tổng Thống Ngô-Đình Diệm và do ngân sách Viện Trợ Mỹ tại Việt Nam đài thọ. Có cả một cơ quan chính phủ phụ trách là Phủ Tổng Ủy Di Cư. Mỗi gia đình di cư hoặc bằng máy bay hoặc bằng tàu biển đến Sài Gòn được cấp ngay 700 đồng và được chỉ định nơi cư trú. Tất cả các trường học tại Sài Gòn-Chợ Lớn, trường đua Phú Thọ... được trưng dụng để đón tiếp đồng bào di cư. Làm gì có chuyện “*không một ai dự trù về một làn sóng người lớn lao như vậy và cũng chẳng có sự chuẩn bị nào để đón nhận họ?*!”

Quan trọng hơn nữa, chi tiết nhiều gia đình di cư 1954 đã phải ở trong các ống cống lớn bằng xi-măng cũng lại là sự mơ màng của một bà lão 86 tuổi!

Chuyện một số ít người vô gia cư ở trong các ống cống là có thật khi xa lộ Sài Gòn-Biên Hòa được xây dựng. Hai bên xa lộ đang làm là những ống cống lớn để thiết lập hệ thống thoát nước. Nhưng đó là đầu thập niên 1960, tức sau cuộc di cư từ Bắc vào Nam hơn 5 năm!

Câu “*Tôi đã thấy tận mắt khi tôi tới thăm họ*” là hoàn toàn bịa đặt vì không một viên chức chính phủ lớn nhỏ nào cất công ngừng xe tại xa lộ để thăm viếng 10-20 người ở rải rác trong những ống cống vì ban ngày khó gặp được những người vô gia cư đó. Họ phải đi quanh quẩn kiếm sống, đêm mới về ngủ! Rất có thể xe bà Nhu đi trên xa lộ và Bà thấy dân vô gia cư trong ống cống (hay vài món quần áo, song chảo...) mà thôi.

Chi tiết dân Bắc di cư 1954 phải ở trong ống cống trong hồi ký của người mẹ nơi trang 65 được hai người con lập lại nơi trang 213 với sự tưởng tượng thêm lên một bậc, là do chính quyền tổ chức: “*...các gia đình ban đầu được hướng dẫn đến các ống cống lớn bằng xi-măng mở ở hai đầu...*”

Thật ngây thơ và ngớ ngẩn!

Chương 3 ngắn vài trang.

Chi tiết đáng kể là Hồi Ký tiết lộ sự kiện bà Nhu và con gái Ngô-Đình Lệ Thủy ra ngoại quốc “giải độc” vụ Phật Giáo là do lời khuyên của vị Khâm Sứ Tòa Thánh tại Việt Nam, Đức Cha Astar. Chuyến đi, và đi luôn, như thế không phải là chuyến công du hay do ý kiến của hai anh em Tổng Thống Ngô-Đình Diệm. Nhưng dĩ nhiên, chi phí chuyến đi giải độc là do ngân quỹ quốc gia đài thọ.

Chương này cũng cho biết đại gia đình Ngô-Đình năm nào cũng làm giỗ kỵ vào mừng ba Tết tại Huế, tức vẫn giữ phong tục Thờ Cúng Tổ Tiên chứ không coi tổ tiên là ma quỷ theo “Phép Giảng Tám Ngày” của linh mục Alexandre de Rhodes in năm 1651 tại Roma.

Đức tin Thiên Chúa của bà Nhu phản ánh rõ trong câu kết luận chương này: “... *phải công nhận rằng tất cả hạnh phúc trên đời này tùy thuộc đầu tiên vào Hội Thánh.*”

Chương 4 trình bày cuộc sống lưu vong của bà Nhu và các con tại Roma. Đó là khu nhà đất rộng lớn do Tổng Giám Mục Ngô-Đình Thục mua hồi tháng 8.1963 và giao cho bà Nhu.

Cuộc sống nơi đó không được an bình vì láng giềng người bản địa bắt lương quấy rối và tìm cách lấn chiếm đất. Ngay 13 người con của Ngô-Đình Luyện cũng tranh chấp với Bà về quyền sở hữu khu đất. Cuối cùng, theo bà Nhu, Chúa đã giúp Bà lấy lại quyền sở hữu tài sản và con gái Ngô-Đình Lệ Quyên cùng chồng Olindo Borsoi sẽ là người thừa kế.

Chương 5 cũng là chương cuối cùng với những lời vinh danh Thiên Chúa. Bà kết luận chuyện xảy ra cho thế giới và con người đều là “Thánh Ý Thiên Chúa!”

Phần Hai là bài viết của hai người con, Ngô-Đình Lệ Thủy và Ngô-Đình Quỳnh, gồm bốn chương.

Chương 1 ghi lại lịch sử dòng họ Ngô-Đình.

Theo đó dòng họ Ngô-Đình có thể phát triển từ thời Ngô Quyền (thế kỷ X) khiến tôi nhớ lại hiện tượng “nhận vợ” trong cộng đồng gốc Việt.

Như khi Chử Bá Anh (1934-1996) -một chủ trường tư ở Đà Lạt và làm báo ở Mỹ- mất, thì một “lãnh tụ cộng đồng” họ Vũ ở San Jose viết bài phân ưu cùng tang quyến đã nâng người vừa khuất lên làm hậu duệ của Chử Đồng Tử, một nhân vật hoang đường trong chuyện cổ tích. Hay như khi tướng Nguyễn Ngọc Loan (1931-1998) -Tổng Giám Đốc Cảnh Sát Công An VNCH- mất, người ta gán cho vị tướng này là hậu duệ của Nguyễn Trãi?!

Chưa hết, Ngô-Đình Lệ Quyên và Ngô-Đình Quỳnh còn viết dòng họ Ngô-Đình là một trong những gia đình đầu tiên theo đạo Thiên Chúa từ thế kỷ XIV tức thời nhà Trần. Họ viết rõ cả chi tiết gia đình theo đạo sau khi học giáo lý với Cha Odorico, người Ý, đến Việt Nam năm 1320.

Đây thật là những xác định vô căn cứ của người có lòng tâng bốc tổ tiên nhưng cũng vì thế, có tính cách ngây thơ và ngớ ngẩn.

Tiếp sau là vài nét sơ lược về tiểu sử của Ngô-Đình Khả (1856-1923) và các con của cụ: Ngô-Đình Khôi (1885-1945), Ngô-Đình Thục (1897-1984), Ngô-Đình Diệm (1901-1963), Ngô-Đình Nhu (1910-1963), Ngô-Đình Cẩn (1911-1964), Ngô-Đình Luyện (1914-1990), và bà Nhu tức Trần Lệ Xuân (1924-2011).

Chương 2 có chủ đích ghi lại những thành tích của Ngô-Đình Diệm trong chức vụ Tổng Thống VNCH và của Ngô-Đình Nhu trong vai trò Cố Vấn Tổng Thống. Nhưng cách diễn tả trong sách không phải là sản phẩm của giới nghiên cứu, mà chỉ là lời kể của con cháu về cha chú.

Tài liệu trong chương hai này, có chăng, là những bức thư của Cố Vấn Ngô-Đình Nhu viết về hiện tình đất nước gửi cho các bạn học ngày xưa tại Trường École Nationale des Chartes.

Lá thư thứ nhất viết ngày 20.4.1956 và lá thư hai gửi ngày 2.9.1963. Thư viết bằng Pháp văn có in bản sao trong phần Phụ Lục nhưng mờ nhạt không thể đọc. Độc giả chỉ có thể đọc bản dịch Việt ngữ trong các trang 194-196 và 207 nên không thể biết bản dịch đúng sai thế nào.

Tuy nhiên khi đọc bản dịch lá thư của Ngô-Đình Nhu viết trong dịp Giáng Sinh 1962 mở đầu với câu *Cô bạn thân mến...* rồi kết thúc *Thân chào. Bảo trọng nhé* có hơi hướm chuyện chương Tiểu Ngạo Giang Hồ của nhà văn Kim Dung thì độc giả có lẽ không nín được cười!

Một chi tiết lý thú nơi trang 208 là sự tiết lộ từ trong gia đình Ngô-Đình Nhu về dự định của ông Cố Vấn thu xếp cho hai con trai vị thành niên ra thăm miền Bắc hồi đầu thập niên 1960.

Chương 3 viết về cuộc đảo chính 1.11.1963.

Nội dung chương này ghi nhận nhiều đề nghị của một số tướng lãnh cho phép họ dẹp đảo chính, như tướng Đỗ Cao Trí ở Huế, tướng Nguyễn Khánh ở Pleiku, tướng Huỳnh Văn Cao ở Cần Thơ, nhưng Tổng Thống đều không chấp thuận.

Thiếu Tá Nguyễn Hữu Duệ, Phó Tư Lệnh Lữ Đoàn Liên Binh Phòng Vệ Phủ Tổng Thống thay mặt Tư Lệnh đi họp ở Bộ Tổng Tham Mưu (không phải đại úy Nguyễn Hữu Duệ, chỉ huy Lực Lượng Phòng Vệ Chính Phủ như đã ghi nơi trang 227), đề nghị cho phép Lữ Đoàn kéo quân cùng chiến xa đi dẹp loạn. Tổng Thống cũng không cho phép.

Tất cả vì lý do là Tổng Tư Lệnh nên Tổng Thống không muốn gây đổ máu giữa các quân nhân trong Quân Đội. Nhưng đó lại chính là sai lầm chết người của Tổng Thống Ngô-Đình Diệm và Cố Vấn Ngô-Đình Nhu trong nền Đệ Nhất Cộng Hòa.

Diễn biến của cuộc đảo chính 1.11.1963 trong chương này có rất nhiều sai sót khác nữa.

Thứ nhất, nơi trang 229 người viết đã xác định chính Dương Văn Minh ra lệnh giết hai anh em Tổng Thống khi dơ hai ngón của bàn tay phải ra hiệu cho tướng Mai Hữu Xuân chỉ huy toán đi bắt hai anh em. Sự kiện này không hề được tài liệu nào ghi nhận ngoại trừ cuộc đối thoại giữa tướng Nguyễn Khánh và tướng Trần Văn Đôn sau cuộc chỉnh lý 30.1.1964 mà tướng Đôn đã phủ nhận. Tài liệu về vụ đảo chính cho biết tướng Mai Hữu Xuân mới là người dơ hai ngón tay ra hiệu cho Dương Hiếu Nghĩa và Nguyễn Văn Nhung trong toán đi bắt Tổng Thống và Cố Vấn trên đường Hồng Thập Tự gần nhà thương Từ Dũ.

Thật ra, ngày nay chúng ta khó biết rõ tướng Dương Văn Minh có ra lệnh bằng hai ngón tay ngay trong Bộ Tổng Tham mưu khi cử nhóm Mai Hữu Xuân đi bắt Tổng Thống Ngô-Đình Diệm hay không, nhưng sự kiện Dương Văn Minh sai cận vệ Nguyễn Văn Nhung đi bắt thì rõ là muốn giết hai anh em để trả hận thù. Dương Văn Minh hận Tổng Thống Ngô-Đình Diệm đã cho Bộ Trưởng Bộ Nội Vụ Lâm Lễ Trinh điều tra vụ hai thùng phuy, mỗi thùng 200 lít, đựng vàng và giấy bạc 500đ của Bình Xuyên mà viên tướng này tịch thu được và giữ luôn. Và Dương Văn Minh thù Ngô-Đình Nhu vì Cố Vấn Tổng Thống đã chê tướng Minh “hữu đồng vô mưu” khiến tướng Hòa Hảo Lê Quang Vinh tức Ba Cụt (1923-1956) chạy thoát nhiều lần.

Nhưng chủ trương giết hai anh em Tổng Thống Ngô Đình Diệm không phải chỉ vì tư thù của Dương Văn Minh, mà còn là chủ trương của các viên chức chính phủ Mỹ. Họ từng phát biểu rằng muốn làm món trứng trắng thì trước hết, phải đập vỡ trứng!

Thứ hai, không hề có sự kiện tướng Mai Hữu Xuân mở nắp thùng xe thiết vận xa mời Tổng Thống. Sự thật là bưng sau xe thiết giáp không biết ai đã mở sẵn và đậu trước của nhà thờ Cha Tam, Nguyễn Văn Nhung đẩy hai ông vào.

Thứ ba, không hề có sự kiện Nguyễn Văn Nhung *cố gắng giải thích là hai anh em Tổng Thống tự tử khi được đến đón* (trang 229). Sự thật là trong cuộc họp báo sau khi đã giết hai anh em, nhóm tướng tá phản loạn đã xuân ngọc tuyên bố Tổng Thống Ngô-Đình Diệm và Cố Vấn Ngô-Đình Nhu tự tử. Xuân ngọc và đối trá vì tín đồ Thiên Chúa Giáo như hai anh em thì không bao giờ tự tử, vì tự tử là mất linh hồn...

Nội dung Chương 4 là vụ Phật Giáo.

Chương này cũng đầy những sai sót.

Sự phát triển mạnh mẽ của Phật Giáo –và nhất là của Thiên Chúa Giáo- là những sự thật dưới chính thể VNCH. Nhưng viết nơi trang 238 có tới 295 ngàn ngôi chùa chùa đã được khôi phục thì quá xa sự thật. Lấy đâu ra con số khổng lồ này? Cách viết này chỉ chứng tỏ người viết không hề biết gì về xã hội và đất nước Việt Nam!

Sự kiện hòa thượng Thích Quảng Đức tự thiêu đã bị xuyên tạc nặng nơi trang 239.

Thứ nhất, Hòa Thượng ra khỏi xe không có ai đưa ra và nâng đỡ dưới vai Hòa Thượng.

Thứ hai, Hòa Thượng tự mình tiến đến giữa ngã tư chứ không hề có hai người kéo Hòa Thượng ra trung tâm của quảng trường.

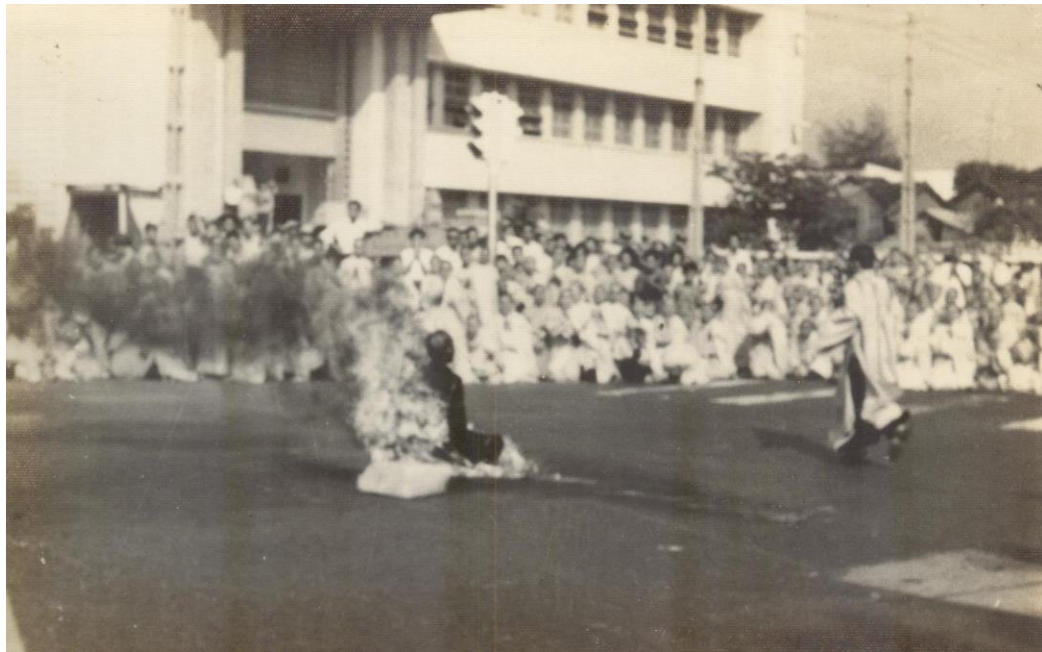
Thứ ba, nơi Hòa Thượng tự thiêu là ngã tư đường Phan Đình Phùng và Lê Văn Duyệt gần chợ Vườn Chuối chứ không có quảng trường nào cả.

Thứ tư, Hòa Thượng tự tay quẹt diêm và châm ngọn lửa vào áo cà sa đã được một tu sĩ trẻ tuổi đâm sáng trước đó chứ không phải bị kéo đi bất động vì đã bị đánh thuốc mê.

Thứ năm, Hòa Thượng ngồi im bất động khi ngọn lửa bùng cháy bao phủ xác phàm cho đến khi cháy đen thì ngã ngựa ra sau. Đó là tinh thần Vô Úy của nhà Phật mà tín đồ các tôn giáo khác không thể hiểu được, hay tin được.

Và thứ sáu, con cháu Ngô-Đình đề cập đến hòa thượng Thích Quảng Đức là “người đàn ông già tội nghiệp” cũng nơi trang 239.

Mẹ thì tuyên bố “nướng su.” Con thì gọi một vị hòa thượng đã hy sinh thân xác vì Đạo Pháp là “người đàn ông già tội nghiệp” thì thật độc ác, vô lễ, và vô văn hóa theo chuẩn mực đạo đức của người Việt, còn cao sang quyền quý nổi gì?!



**Hình ảnh sinh sống của hòa thượng Thích Quảng Đức trong ngọn lửa Từ Bi ngày 11.6.1963 tại ngã tư Phan Đình Phùng-Lê Văn Duyệt. Hậu cảnh là Tòa Đại Sứ Cam-Bốt (bỏ hoang) trên đường Lê Văn Duyệt. (Bộ sưu tập TAT)**

Cuối cùng, theo tôi, thế hệ sau của dòng họ Ngô-Đình vẫn còn bị ám ảnh về vụ Phật Giáo 1963. Bằng chứng là câu sau đây của con cháu hai anh em Ngô-Đình Diễm và Ngô-Đình Nhu

nơi trang 182: “ *Tám gương toàn vẹn trung thành với các giá trị tôn giáo cũng như các giá trị văn hóa truyền thống của Việt Nam đã làm cho ông Ngô-Đình Khả trở thành một nhân vật rất nổi tiếng và được tôn trọng. Điều này cho chúng ta thấy rằng chúng ta vẫn có thể được công nhận là một người yêu nước chân chính và đồng thời vẫn là người Công Giáo.*”

Bản dịch Việt ngữ có nhiều điều cần làm rõ.

Điểm quan trọng nhất là người dịch đã không thể chuyển dịch tốt từ một ngôn ngữ văn hoa bóng bẩy (là tiếng Pháp) sang một ngôn ngữ thực dụng và cụ thể (là tiếng Việt).

Bằng chứng là bản dịch có chỗ câu thả, có chỗ ngây ngô, có chỗ thô thiển, có chỗ sai sót, và nhiều chỗ khó hiểu.

Câu thả, như vừa gọi chồng là *anh* thì chỉ vài chữ sau đã thành *ông* nơi trang 24. Hay viết nghìn thì vài chữ sau đã chuyển thành *ngàn* nơi trang 212.

Ngây ngô thô thiển, như nhóm chữ “*đầu đá bằng miệng*” thay cho ngôn từ của người Việt là *đầu trâu*. Mà *đá bằng miệng* thì *đá* thế nào nơi trang 72, thưa ông dịch giả? Rồi nơi trang 245, danh từ *tự thiêu* được dịch từng chữ thành *tự tử bằng lửa* là thế nào, thưa ông tây con? Sao danh từ *xóc nách* của người Việt lại biến thành *nâng đỡ dưới vai*?!

Hay nơi trang 20, *họ* của người Việt bị đổi thành *tên gia tộc*, và nơi trang 98 gọi chữ *Nho* là *chữ Việt cổ*.

Sai sót, như sách ghi “*Sáng lập Việt Nam Cộng Hòa*” các trang iix và xi. Thử hỏi cá nhân nào có thể *sáng lập ra một quốc gia*?! Trong thực tế, tổng thống Ngô Đình Diệm chỉ có thể -và đã có công- *sáng lập ra chế độ Cộng Hòa* mà thôi!

Sai sót khi sách in Bình Xuyên ném bom vào Dinh Tổng Thống nơi trang 198. Chỉ có máy bay mới có thể ném bom, nhưng Bình Xuyên làm gì có máy bay? Vì độc giả không có nguyên tác Pháp văn để đối chiếu, nên sai sót này cả người viết và người dịch phải chịu trách nhiệm.

Cũng sai sót khi dịch Tổng Thống Kennedy *ủng hộ sự thay đổi chính sách* và “*nhân viên*” (sic!) ở *Việt Nam* nơi trang 209. Sự thực, Kennedy nhằm loại bỏ Cố Vấn Ngô-Đình Nhu nên trong nguyên tác của văn bản, nếu tôi nhớ không lầm, là “*personnel*” thì phải dịch là “*nhân sự*” mới phản ánh sự chính xác của nguyên tác.

Khó hiểu, hãy ghi lại vài thí dụ. Như câu “... *những gì thuộc Tạo Hóa sẽ về với Đấng Tạo Hóa để nhân loại được chu toàn vai trò của chúng ta*” nơi trang 14.

Hay như câu “*Tiền định không di chuyển lập tức theo kết quả cấp thời*” nơi trang 29.

Hay như câu “*Cuốn sách của tôi nhằm bỏ tức những gì ai cũng biết bởi những điều chưa ai biết đến*” nơi trang 30.

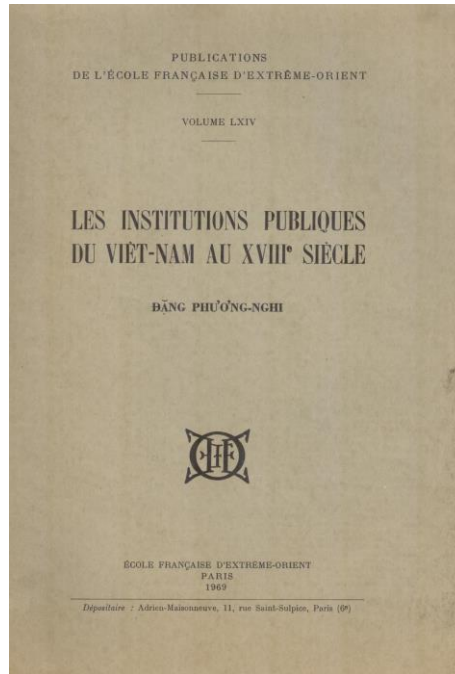
Hay như câu “*Niềm tin tuyệt đối đến mức chỉ cần có nó là đủ để tận hưởng nó*” nơi trang 31.

Và như câu “*Một ngày kia đất nước này sẽ phải trả nợ cho tổ tiên mình đã mất đi và thuở ban đầu cái thời đại này, và trả cho người Phụ Nữ đã biết hơn ai hết, tôn trọng những truyền thống tốt đẹp nhất của Việt Nam*” nơi trang 91.

Về danh từ riêng, trường *École Nationale des Chartes* khi chuyển sang Việt ngữ đã chết tên là *Trường Cổ Điển Học Paris* từ thập niên 1960 do giáo sư Đặng Phương Nghi xướng xuất. Bà là người Việt thứ hai sau ông Ngô-Đình Nhu tốt nghiệp và Bà từng là Giám Đốc Văn Khố&Thư Viện VNCH trong thập niên 1960. Sách lại chuyển tên thành *Trường Quốc Gia Hiến Chương* thì chỉ là dịch từng chữ, mông lung và hạn hẹp.

Nhận định về nội dung *Hồi Ký* của bà Nhu, giáo sư Vũ Tường đã viết cô đọng, nguyên văn nơi trang xiv: “*Chúng ta biết được cuộc sống của bà khó khăn như thế nào ở một số thời điểm mặc dù xuất thân từ gia đình quyền quý; bà kiên định với niềm tin của mình đến mức có thể*

*cho là ngoan cố; bà có thể hành động mạnh mẽ như thế nào khi Tổng Thống và chồng bà thiếu quyết đoán; bà trung thành với họ và với đất nước Việt Nam như thế nào; bà oán giận Pháp và Hoa Kỳ ra sao; và cuộc sống lưu vong của bà đau khổ biết bao.”*



***Luận án tốt nghiệp École Nationale des Chartes của Gs Đặng Phương Nghi xb năm 1969. (Thư viện TAT)***

Còn tôi, người và việc trong Hồi Ký có chính xác không, hay chính xác tới đâu thì rất cần đối chiếu với những nguồn tài liệu khác.

Cuối cùng, hình ảnh tuy phong phú nhưng phần lớn đã được phổ biến từ lâu. Chỉ vài tấm là xuất hiện lần đầu, như tấm ảnh bà Nhu giới thiệu năm bộ da cạp do Cố Vấn Ngô-Đình Nhu sẵn được khi tiếp phu nhân Tổng Thống Hoa Kỳ Johnson tại Dinh Độc Lập năm 1961.

Theo tôi, sách cần có những hình ảnh giá trị tài liệu hơn là những hình ảnh thăm viếng xã giao hàng ngày của bà Nhu. Giá trị như hình ảnh hiện thân của Dragon Lady mà báo chí Mỹ đã gán cho Bà cũng không có.





***Dragon Lady trong cuộc họp báo quốc tế tại Beverly Hills ngày 2.11.1963. (Bộ sưu tập TAT)***

Đáng tiếc nhất là tám hình có giá trị biểu tượng về gia cảnh dòng họ Ngô-Đình không có trong sách. Đó là tám bưu ảnh gia đình đường quan Ngô Đình Khả mà các con trai gái từ Ngô Đình Khôi đến Ngô Đình Nhu đều đi chân đất và quần áo lôi thôi, rõ ra cảnh thanh bạch đáng nể trọng của một gia đình đường quan -nôm na là quan lớn- tại Huế.

Hay dòng họ Ngô-Đình muốn che dấu những hình ảnh nghèo khó?!



***Gia đình đường quan Ngô-Đình Khả tại Huế. (Bộ sưu tập TAT)***

**TRẦN ANH TUẤN  
25.11.2023**